

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THĂNG LONG

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024
(đã được soát xét)



CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THĂNG LONG

Phố Sài Đồng, phường Sài Đồng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04-05
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	06-50
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	06-08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	10
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	11-50



CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THĂNG LONG

Phố Sài Đồng, phường Sài Đồng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Kim khí Thăng Long (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Kim khí Thăng Long được chuyển đổi từ Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Kim khí Thăng Long theo Quyết định số 760/QĐ-UBND ngày 16 tháng 09 năm 2008 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100100618 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 28 tháng 11 năm 2008, thay đổi lần thứ năm ngày 09 tháng 10 năm 2023.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Phố Sài Đồng, phường Sài Đồng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Hữu Hùng	Chủ tịch
Ông Phạm Hồng Thanh	Ủy viên
Ông Hồ Quốc Bình	Ủy viên
Ông Hoàng Tuấn Anh	Ủy viên
Ông Nguyễn Quý Thịnh	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Hồng Thanh	Tổng Giám đốc
Ông Hồ Quốc Bình	Phó Tổng Giám đốc
Bà Vũ Thị Hồng Vân	Kế toán trưởng

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Chu Thị Thanh Mai	Trưởng ban
Bà Nguyễn Quỳnh Châu	Thành viên
Ông Lê Anh Tuấn	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THĂNG LONG

Phố Sài Đồng, phường Sài Đồng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

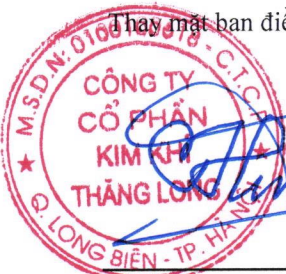
Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 31 tháng 12 năm 2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt ban điều hành



Phạm Hữu Hùng

Chủ tịch HĐQT

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2024

Số: 140824.029/BCTC.KT2

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Kim khí Thăng Long**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Kim khí Thăng Long được lập ngày 14 tháng 08 năm 2024, từ trang 06 đến trang 50, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Tại Báo cáo kiểm toán số 290324.020/BCTC.KT2 ngày 29/03/2024 về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty Cổ phần Kim khí Thăng Long, kiểm toán viên đã đưa ý kiến kiểm toán ngoại trừ do chưa thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán liên quan đến việc đánh giá và ước tính giá trị chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại thời điểm 31/12/2023. Đến thời điểm phát hành báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ này, chúng tôi vẫn chưa thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp về tính hiện hữu và giá trị tồn thất nếu có của khoản chi phí sản xuất kinh doanh dở dang này. Do đó, chúng tôi chưa xác định được liệu có cần thiết điều chỉnh lại số dư chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, dự phòng giảm giá hàng tồn kho và các khoản mục có liên quan tại ngày 01/01/2024 và ngày 30/06/2024 hay không. (Thuyết minh số 09 - Hàng tồn kho)

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Kim khí Thăng Long tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biên

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2023-002-1

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THĂNG LONG

Phố Sài Đồng, phường Sài Đồng,
quận Long Biên, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2024	01/01/2024
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		394.573.100.992	398.377.187.629
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	5.698.099.700	9.861.191.130
111	1. Tiền		5.698.099.700	9.861.191.130
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	3.123.029.090	3.725.525.090
121	1. Chứng khoán kinh doanh		462.500.000	462.500.000
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		2.660.529.090	3.263.025.090
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		160.377.264.513	152.308.998.951
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	136.954.944.808	129.431.106.070
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	28.524.484.256	28.311.418.146
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	3.696.822.361	3.365.461.647
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(8.798.986.912)	(8.798.986.912)
140	IV. Hàng tồn kho	9	198.427.948.414	211.168.593.261
141	1. Hàng tồn kho		198.427.948.414	211.168.593.261
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		26.946.759.275	21.312.879.197
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	15	6.921.723.063	5.558.430.211
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		18.088.373.501	13.817.988.137
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	18	1.936.662.711	1.936.460.849
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		528.099.333.002	538.287.645.475
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		724.850.000	710.850.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	724.850.000	710.850.000
220	II. Tài sản cố định		160.342.819.066	186.011.488.888
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	141.067.325.897	161.667.761.927
222	- Nguyên giá		765.354.951.569	773.067.606.472
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(624.287.625.672)	(611.399.844.545)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	12	18.799.175.282	22.823.357.820
225	- Nguyên giá		30.837.741.077	37.589.832.738
226	- Giá trị hao mòn lũy kế		(12.038.565.795)	(14.766.474.918)
227	3. Tài sản cố định vô hình	13	476.317.887	1.520.369.141
228	- Nguyên giá		4.385.702.820	5.327.989.316
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.909.384.933)	(3.807.620.175)

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THĂNG LONGPhố Sài Đồng, phường Sài Đồng,
quận Long Biên, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2024	01/01/2024
			VND	VND
230	III. Bất động sản đầu tư	14	167.095.347.184	155.509.505.798
231	- Nguyên giá		215.523.522.871	197.033.763.087
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(48.428.175.687)	(41.524.257.289)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	10	2.482.461.417	2.303.935.214
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		2.482.461.417	2.303.935.214
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	131.253.596.656	131.253.596.656
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		131.253.596.656	131.253.596.656
260	VI. Tài sản dài hạn khác		66.200.258.679	62.498.268.919
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	15	66.200.258.679	62.498.268.919
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		922.672.433.994	936.664.833.104

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THĂNG LONG

Phố Sài Đồng, phường Sài Đồng,
quận Long Biên, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2024	01/01/2024
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		521.793.935.878	550.858.576.505
310	I. Nợ ngắn hạn		491.324.629.271	497.207.391.858
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	81.938.738.207	69.121.698.484
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17	14.099.767.362	12.661.660.859
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	4.929.524.947	2.789.033.019
314	4. Phải trả người lao động		13.290.118.374	17.108.655.935
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	25.362.177.560	24.853.882.849
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	20	4.538.806.054	3.873.506.055
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	21	13.060.438.232	9.581.983.691
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	22	322.749.853.665	353.966.263.496
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		11.355.204.870	3.250.707.470
330	II. Nợ dài hạn		30.469.306.607	53.651.184.647
337	1. Phải trả dài hạn khác	21	915.000.000	915.000.000
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	22	29.554.306.607	52.736.184.647
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		400.878.498.116	385.806.256.599
410	I. Vốn chủ sở hữu	23	400.356.237.100	385.283.995.583
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		192.000.000.000	192.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		192.000.000.000	192.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		217.386.850	217.386.850
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		167.682.512.342	159.527.232.617
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		3.993.419.484	2.981.266.249
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		36.462.918.424	30.558.109.867
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		36.462.918.424	30.558.109.867
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		522.261.016	522.261.016
431	1. Nguồn kinh phí		522.261.016	522.261.016
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		922.672.433.994	936.664.833.104

Trần Thị Thanh Hương
Người lập

Vũ Thị Hồng Vân
Kế toán trưởng

Phạm Hồng Thanh
Tổng Giám đốc

Phạm Hữu Hùng
Chủ tịch HĐQT

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2024	2023
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	25	457.813.581.847	432.427.638.563
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	26	155.000.000	798.054.130
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		457.658.581.847	431.629.584.433
11	4. Giá vốn hàng bán	27	416.067.891.529	394.616.441.390
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		41.590.690.318	37.013.143.043
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	28	48.960.603.348	50.480.522.484
22	7. Chi phí tài chính	29	13.460.560.844	18.822.213.618
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		13.227.083.681	18.720.486.860
25	8. Chi phí bán hàng	30	1.018.211.360	919.695.130
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	31	39.575.914.012	36.077.468.941
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		36.496.607.450	31.674.287.838
31	11. Thu nhập khác	32	249.252.765	501.895.481
32	12. Chi phí khác	33	282.941.791	1.233.672.764
40	13. Lợi nhuận khác		(33.689.026)	(731.777.283)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		36.462.918.424	30.942.510.555
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	34	-	-
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		36.462.918.424	30.942.510.555
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	35	1.899	1.612



Trần Thị Thanh Hương
Người lậpVũ Thị Hồng Vân
Kế toán trưởngPhạm Hồng Thanh
Tổng Giám đốcPhạm Hữu Hùng
Chủ tịch HĐQT

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THĂNG LONG

Phố Sài Đồng, phường Sài Đồng,
quận Long Biên, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2024	2023
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		479.546.912.373	509.789.812.926
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(351.552.214.023)	(364.962.625.772)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(75.387.587.339)	(84.599.854.683)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		(13.649.814.953)	(19.335.620.196)
06	5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		2.540.640	675.000.000
07	6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(23.375.391.939)	(18.778.445.377)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		15.584.444.759	22.788.266.898
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(6.566.144.141)	(5.946.197.566)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		246.712.122	955.848.950
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(9.235.221.408)	(58.077.083)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		9.837.717.408	-
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		47.560.083.573	50.228.234.710
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		41.843.147.554	45.179.809.011
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		443.464.385.666	462.751.746.225
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(495.390.621.537)	(502.914.209.399)
35	3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		(2.472.052.000)	(8.833.089.372)
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(7.211.569.904)	(4.667.914.100)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(61.609.857.775)	(53.663.466.646)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(4.182.265.462)	14.304.609.263
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		9.861.191.130	3.285.020.735
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		19.174.032	(169.345.201)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	5.698.099.700	17.420.284.797



Trần Thị Thanh Hương
Người lập

Vũ Thị Hồng Vân
Kế toán trưởng



Phạm Hồng Thanh
Tổng Giám đốc

Phạm Hữu Hùng
Chủ tịch HĐQT

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THĂNG LONG

Phố Sài Đồng, phường Sài Đồng,
quận Long Biên, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Kim khí Thăng Long được chuyển đổi từ Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Kim khí Thăng Long theo Quyết định số 760/QĐ-UBND ngày 16 tháng 09 năm 2008 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100100618 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 28 tháng 11 năm 2008, thay đổi lần thứ năm ngày 09 tháng 10 năm 2023.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Phố Sài Đồng, phường Sài Đồng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 192.000.000.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2024 là 192.000.000.000 VND; tương đương 19.200.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 là: 1024 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 là: 1.049 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất công nghiệp, kinh doanh bất động sản.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe. Chi tiết: Sản xuất phụ tùng xe máy;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Dịch vụ cho thuê: bến bãi đỗ xe, văn phòng làm việc, siêu thị, kinh doanh bất động sản;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán các loại khuôn mẫu và thiết bị chuyên dùng;
- Sản xuất các loại khuôn mẫu và thiết bị chuyên dùng, sản xuất, lắp ráp ô tô, điện lạnh, điện dân dụng, trang thiết bị vệ sinh và các mặt hàng tiêu dùng khác, sản xuất các mặt hàng gia dụng như các loại bếp dầu, các loại xoong, chảo, ấm điện, bếp điện, bếp ga, các loại đèn trang trí, vỏ đèn chiếu sáng công cộng, các loại dụng cụ gia đình khác;
- Bán mô tô, xe máy. Chi tiết: Mua bán xe máy;
- Sản xuất mô tô, xe máy. Chi tiết: Sản xuất, lắp ráp xe máy;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy. Chi tiết: Mua bán phụ tùng xe máy;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Mua bán các mặt hàng gia dụng như các loại bếp dầu, các loại xoong, chảo, ấm điện, bếp điện, bếp ga, các loại đèn trang trí, vỏ đèn chiếu sáng công cộng, các loại dụng cụ gia đình khác;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại. Chi tiết: Gia công cơ khí;

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THĂNG LONG

Phố Sài Đồng, phường Sài Đồng,
quận Long Biên, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính giữa niên độ

Tại ngày 30/06/2024, Công ty có tổng nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn với giá trị là 96,75 tỷ VND. Điều này cho thấy sự mất cân đối về khả năng thanh toán nợ ngắn hạn và ảnh hưởng đến tính hoạt động liên tục của Công ty trong tương lai. Tuy nhiên, chúng tôi đã thực hiện các giải pháp phát triển thị trường, tiết kiệm chi phí đồng thời quản lý chặt chẽ và hiệu quả các dòng tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh, dòng tiền từ hoạt động đầu tư. Mặt khác, Công ty tiếp tục nhận được sự hỗ trợ từ Công ty TNHH Phụ tùng Xe máy - Ô tô Goshi - Thăng Long (Công ty liên kết) khi duy trì sự hợp tác ổn định cả về khối lượng và giá trị hợp đồng. Để đảm bảo khả năng hoạt động liên tục của Công ty, Ban Tổng Giám đốc đã thận trọng đánh giá và đưa ra kế hoạch trong vòng 06 tháng tới như sau:

- Tiếp tục thực hiện các biện pháp quản lý chặt chẽ, xây dựng hợp lý kế hoạch kinh doanh, phương án sử dụng nguồn lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh; nguồn khấu hao tài sản cố định hàng kỳ và nguồn lãi cổ tức từ công ty liên kết để thanh toán các khoản nợ;

- Tiếp tục sử dụng các dòng tiền từ các khoản vay tín dụng chưa hết hạn mức vay tại Ngân hàng thương mại cổ phần và khai thác thêm các nguồn vốn vay tín dụng hỗ trợ từ các cá nhân khác;

Do đó, Công ty vẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 trên cơ sở giả định về khả năng hoạt động liên tục.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Nhà máy số 01	Hà Nội	Sản xuất công nghiệp
Nhà máy số 02	Hà Nội	Sản xuất công nghiệp
Nhà máy số 03	Hà Nội	Sản xuất công nghiệp
Nhà máy số 04	Hà Nội	Sản xuất công nghiệp
Trung tâm Thương mại và Dịch vụ	Hà Nội	Bán hàng
Cửa hàng mua bán và giới thiệu sản phẩm	Hà Nội	Bán hàng
Chi nhánh Công ty Cổ phần Kim khí Thăng Long tại Hưng Yên	Hưng Yên	Hoạt động theo ủy quyền của Công ty

Thông tin về công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THĂNG LONG

Phố Sài Đồng, phường Sài Đồng,
quận Long Biên, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

2.4 . Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính;
- Phân bổ chi phí trả trước;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Tổng giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.5 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THĂNG LONG

Phố Sài Đồng, phường Sài Đồng,
quận Long Biên, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

2.7 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.8 . Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư vào công ty liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.9 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính giữa niên độ căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.10 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.11 . Tài sản cố định, Tài sản cố định thuê tài chính

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THĂNG LONG

Phố Sài Đồng, phường Sài Đồng,
quận Long Biên, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính (không bao gồm thuế GTGT). Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính được trích căn cứ theo thời gian thuê theo hợp đồng và tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh, đảm bảo thu hồi đủ vốn.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	13 - 40 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 20 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 năm
- Quyền sử dụng đất	Không trích khấu hao
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm

2.12 . Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	35 năm
- Quyền sử dụng đất	Không trích khấu hao

2.13 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.14 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.15 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THĂNG LONG

Phố Sài Đồng, phường Sài Đồng,
quận Long Biên, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 02 tháng đến 36 tháng.
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 12 tháng đến 36 tháng.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 03 tháng đến 36 tháng.

Đối với đất thuê và tài sản khác không tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh sẽ chưa phân bổ chi phí tiền thuê đất.

2.16 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.17 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.18 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.19 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả,... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.20 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước là số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THĂNG LONG

Phố Sài Đồng, phường Sài Đồng,
quận Long Biên, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

2.21 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2.22 . Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.23 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: hàng bán bị trả lại.

Khoản hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

2.24 . Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong kỳ, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.25 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.26 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024.

2.27 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THĂNG LONG

Phố Sài Đồng, phường Sài Đồng,
quận Long Biên, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

2.28 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mỗi quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.29 . Thông tin bộ phận

Đặc thù của Công ty là hoạt động sản xuất kinh doanh cơ khí chiếm trên 90% tổng doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu đều diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, Công ty không thực hiện lập và trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/06/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	VND	VND
Tiền mặt	126.353.008	136.046.457
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.571.746.692	9.725.144.673
	<u>5.698.099.700</u>	<u>9.861.191.130</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THĂNG LONG

Phố Sài Đồng, phường Sài Đồng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	2.660.529.090	-	3.263.025.090	-
	2.660.529.090	-	3.263.025.090	-

(*) Tại ngày 30/06/2024, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 03 tháng đến 12 tháng được gửi tại Ngân hàng Liên doanh Việt Nga - CN Sở Giao dịch và Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam với lãi suất từ 6,2%/năm đến 8,2%/năm.

b) Chứng khoán kinh doanh

	30/06/2024			01/01/2024		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu						
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (*)	462.500.000	1.601.763.750	-	462.500.000	1.592.505.000	-
	462.500.000	1.601.763.750	-	462.500.000	1.592.505.000	-

(*) Tại ngày 30/06/2024, Công ty đang nắm giữ 37.035 cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Mã cổ phiếu: BID).

Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này tại ngày 01/01/2024 và ngày 30/06/2024 được xác định theo giá đóng cửa của các chứng khoán này trên sàn chứng khoán HOSE tại ngày 29/12/2023 và 28/06/2024.

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THĂNG LONG

Phố Sài Đồng, phường Sài Đồng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

c) Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết

	30/06/2024			01/01/2024		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
- Công ty TNHH Phụ tùng Xe máy Ô tô Goshi - Thăng Long	131.253.596.656	-	-	131.253.596.656	-	-
	131.253.596.656	-	-	131.253.596.656	-	-

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Thông tin về công ty liên kết

Công ty liên kết	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu	Nhà nghề kinh doanh
Công ty TNHH Phụ tùng Xe máy Ô tô Goshi - Thăng Long	Phố Sài Đồng, Phường Sài Đồng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội	30,00%	30,00%	Sản xuất phụ tùng ô tô và xe máy

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THĂNG LONG

Phố Sài Đồng, phường Sài Đồng,
quận Long Biên, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên liên quan</i>	27.349.653.860	-	23.872.708.593	-
Công ty TNHH phụ tùng xe máy ô tô GOSHI Thăng Long	27.349.653.860	-	23.872.708.593	-
<i>Bên khác</i>	109.605.290.948	(5.556.204.586)	105.558.397.477	(5.556.204.586)
Công ty Honda Việt Nam	29.031.112.651	-	29.333.153.253	-
Công ty Cổ phần Kunjek Cage No1 Việt Nam	23.869.317.731	-	21.771.434.304	-
Olympia Tools International INC	17.515.076.752	-	8.670.029.294	-
Phải thu khách hàng khác	39.189.783.814	(5.556.204.586)	45.783.780.626	(5.556.204.586)
	<u>136.954.944.808</u>	<u>(5.556.204.586)</u>	<u>129.431.106.070</u>	<u>(5.556.204.586)</u>

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên khác</i>				
Công ty Cổ phần Thiết bị Kỹ thuật và PCCC Hoàng Long (*)	19.000.000.000	-	19.000.000.000	-
Công ty TNHH Kiều An	2.420.000.000	-	605.000.000	-
Các khách hàng khác	7.104.484.256	(2.635.924.020)	8.706.418.146	(2.635.924.020)
	<u>28.524.484.256</u>	<u>(2.635.924.020)</u>	<u>28.311.418.146</u>	<u>(2.635.924.020)</u>

(*) Ứng trước cho Công ty Cổ phần Thiết bị Kỹ thuật và PCCC Hoàng Long theo hợp đồng 01.06/2021/HĐTCXD ngày 01/06/2021 về việc lắp đặt hệ thống Phòng cháy chữa cháy tại các nhà máy của Công ty. Tại thời điểm 30/06/2024, giá trị ứng trước đang trình bày tương ứng 80% giá trị hợp đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THĂNG LONG

Phố Sài Đồng, phường Sài Đồng,
quận Long Biên, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

7 . PHẢI THU KHÁC

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
a1) Chi tiết theo nội dung				
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	102.195.644	-	101.521.413	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	503.200	-	-	-
Phải thu về bảo hiểm y tế	69.439.127	-	69.439.127	-
Tạm ứng	1.117.211.917	-	970.211.917	-
Chi cục Hải quan Gia Thủy	703.071.803	-	703.071.803	-
Phải thu các công ty cho thuê tài chính	692.874.678	-	840.781.982	-
Phải thu khác	1.011.525.992	(606.858.306)	680.435.405	(606.858.306)
	3.696.822.361	(606.858.306)	3.365.461.647	(606.858.306)
a2) Chi tiết theo đối tượng				
Chi cục Hải quan Gia Thủy	703.071.803	-	703.071.803	-
Công ty Cho Thuê Tài Chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	692.874.678	-	840.781.982	-
Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ Aviva Việt Nam	314.892.000	-	-	-
Các đối tượng khác	1.985.983.880	(606.858.306)	1.821.607.862	(606.858.306)
	3.696.822.361	(606.858.306)	3.365.461.647	(606.858.306)
b) Dài hạn				
b1) Chi tiết theo nội dung				
Ký cược, ký quỹ	724.850.000	-	710.850.000	-
	724.850.000	-	710.850.000	-
b2) Chi tiết theo đối tượng				
Các đối tượng khác	724.850.000	-	710.850.000	-
	724.850.000	-	710.850.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THĂNG LONG

Phố Sài Đồng, phường Sài Đồng,
quận Long Biên, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

8 . NỢ XẤU

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
- Công ty Lắp máy Điện nước và Xây dựng	1.088.582.138	-	1.088.582.138	-
- Công ty Cổ phần Hanel - Mirolin	533.619.030	-	533.619.030	-
- Công ty Cổ phần Cơ khí và Khuôn mẫu HP TECH	1.837.928.097	-	1.837.928.097	-
- Các khoản khác	5.338.857.647	-	5.338.857.647	-
	8.798.986.912	-	8.798.986.912	-

9 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	60.436.050.539	-	64.008.257.433	-
Công cụ, dụng cụ	22.789.601.967	-	22.921.010.906	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	63.705.176.318	-	73.971.985.938	-
Thành phẩm	46.527.362.786	-	46.535.863.843	-
Hàng hoá	4.794.061.208	-	3.555.779.545	-
Hàng gửi đi bán	175.695.596	-	175.695.596	-
	198.427.948.414	-	211.168.593.261	-

10 . TÀI SẢN DỄ DANG DÀI HẠN

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	1.889.854.848	1.889.854.848
- Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất, gia công các sản phẩm cơ kim khí (*)	1.889.854.848	1.454.864.848
- Công trình khác	-	434.990.000
Mua sắm tài sản cố định	254.830.014	-
- Mua sắm các loại máy móc sản xuất	254.830.014	-
Sửa chữa lớn tài sản cố định	337.776.555	414.080.366
- Sửa chữa bảo dưỡng công trình máy móc khác	337.776.555	414.080.366
	2.482.461.417	2.303.935.214

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên kỳ 2019 số 01-NQ/ĐHĐCĐ-2019 ngày 22/06/2019, Công ty chủ trương đầu tư xây dựng dự án "Đầu tư Nhà máy sản xuất hàng cơ kim khí - Công ty Cổ phần Kim khí Thăng Long" tại KCN Minh Quang, Xã Bạch Sam, Huyện Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên. Năm 2019, Công ty đã hoàn thành xong thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận đầu tư dự án. Đến thời điểm 30/06/2024, Công ty đã thực hiện xong giai đoạn tư vấn khảo sát và lập báo cáo tiền khả thi để tiến hành xây dựng và đầu tư trong thời gian tới.

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THĂNG LONG

Phố Sài Đồng, phường Sài Đồng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

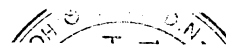
11 . TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc (*) VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	266.530.801.871	452.991.171.176	20.256.366.348	33.289.267.077	773.067.606.472
- Mua trong kỳ	-	1.405.840.610	-	-	1.405.840.610
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	8.336.091.661	1.214.030.908	-	9.550.122.569
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	(17.178.726.868)	-	-	-	(17.178.726.868)
- Thanh lý, nhượng bán	-	(446.867.414)	(1.043.023.800)	-	(1.489.891.214)
Số dư cuối kỳ	249.352.075.003	462.286.236.033	20.427.373.456	33.289.267.077	765.354.951.569
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	181.126.182.226	404.838.306.667	13.380.175.212	12.055.180.440	611.399.844.545
- Khấu hao trong kỳ	4.728.165.054	6.622.020.579	237.172.509	1.966.771.356	13.554.129.498
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	4.013.006.412	737.102.603	-	4.750.109.015
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	(3.926.566.172)	-	-	-	(3.926.566.172)
- Thanh lý, nhượng bán	-	(446.867.414)	(1.043.023.800)	-	(1.489.891.214)
Số dư cuối kỳ	181.927.781.108	415.026.466.244	13.311.426.524	14.021.951.796	624.287.625.672
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu kỳ	85.404.619.645	48.152.864.509	6.876.191.136	21.234.086.637	161.667.761.927
Tại ngày cuối kỳ	67.424.293.895	47.259.769.789	7.115.946.932	19.267.315.281	141.067.325.897

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 41.426.851.030 VND.
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 405.439.621.541 VND.

(*) Trong đó, nguyên giá và giá trị còn lại của tài sản cố định theo hợp đồng chuyển nhượng tài sản sau đấu giá số 166/2022/KKTL - 3P ngày 18/08/2022 để mua quyền sử dụng đất thuê và tài sản gắn liền trên đất tại địa chỉ Đường 5C, Khu công nghiệp Lê Minh Xuân, Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh giữa Công ty Cổ phần Kim khí 3P và Công ty lần lượt là 20,78 tỷ VND và 6,92 tỷ VND. (Xem thêm tại thuyết minh 17 - Người mua trả tiền trước ngắn hạn).



CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THĂNG LONG

Phố Sài Đồng, phường Sài Đồng,
quận Long Biên, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	31.712.668.119	5.877.164.619	37.589.832.738
- Thuê tài chính	1.584.000.000	-	1.584.000.000
- Trả lại tài sản cố định thuê tài chính	(7.122.060.752)	(1.214.030.909)	(8.336.091.661)
Số dư cuối kỳ	26.174.607.367	4.663.133.710	30.837.741.077
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	12.607.992.454	2.158.482.464	14.766.474.918
- Trích khấu hao	1.754.240.138	267.959.754	2.022.199.892
- Trả lại tài sản cố định thuê tài chính	(4.013.006.412)	(737.102.603)	(4.750.109.015)
Số dư cuối kỳ	10.349.226.180	1.689.339.615	12.038.565.795
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu kỳ	19.104.675.665	3.718.682.155	22.823.357.820
Tại ngày cuối kỳ	15.825.381.187	2.973.794.095	18.799.175.282

13 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	1.311.032.916	4.016.956.400	5.327.989.316
- Mua trong kỳ	-	368.746.420	368.746.420
- Phân loại tài sản (*)	(1.311.032.916)	-	(1.311.032.916)
Số dư cuối kỳ	-	4.385.702.820	4.385.702.820
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	-	3.807.620.175	3.807.620.175
- Khấu hao trong kỳ	-	101.764.758	101.764.758
Số dư cuối kỳ	-	3.909.384.933	3.909.384.933
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu kỳ	1.311.032.916	209.336.225	1.520.369.141
Tại ngày cuối kỳ	-	476.317.887	476.317.887

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 3.718.413.500 đồng.

(*) Trong kỳ, Công ty đã cho thuê toàn bộ tòa nhà tại số 01 Lương Yên, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Do đó, Công ty thực hiện phân loại tài sản vô hình là giá trị quyền sử dụng đất không thời hạn liên quan đến tòa nhà nêu trên sang bất động sản đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THĂNG LONG

Phố Sài Đồng, phường Sài Đồng,
quận Long Biên, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

14 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**Bất động sản đầu tư cho thuê**

	Nhà VND	Giá trị quyền sử dụng đất VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	183.599.685.425	13.434.077.662	197.033.763.087
- Tăng do phân loại từ TSCĐ vô hình	17.178.726.868	1.311.032.916	18.489.759.784
Số dư cuối kỳ	200.778.412.293	14.745.110.578	215.523.522.871
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	41.524.257.289	-	41.524.257.289
- Khấu hao trong kỳ	2.977.352.226	-	2.977.352.226
- Tăng do phân loại từ TSCĐ vô hình	3.926.566.172	-	3.926.566.172
Số dư cuối kỳ	48.428.175.687	-	48.428.175.687
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu kỳ	142.075.428.136	13.434.077.662	155.509.505.798
Tại ngày cuối kỳ	152.350.236.606	14.745.110.578	167.095.347.184

Bất động sản đầu tư của Công ty là dự án công trình tòa nhà văn phòng số 1 Lương Yên, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng từ năm 2016 và đã quyết toán hoàn thành năm 2020.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 30 tháng 06 năm 2024. Tuy nhiên, dựa trên tình hình cho thuê và giá thị trường của các tài sản này, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của tài sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

15 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.896.611.076	876.743.601
Chi phí sửa chữa TSCĐ chờ phân bổ	1.246.303.285	1.792.424.773
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	3.778.808.702	2.889.261.837
	6.921.723.063	5.558.430.211
b) Dài hạn		
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	12.764.225.651	8.955.874.077
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	7.894.856.759	7.394.864.759
Chi phí thuê đất và tài sản khác tại KCN Lê Minh Xuân (*)	8.043.527.523	8.043.527.523
Chi phí thuê cơ sở hạ tầng KCN Quang Minh Hưng Yên (**)	37.206.651.720	37.757.861.376
Chi phí trả trước dài hạn khác	290.997.026	346.141.184
	66.200.258.679	62.498.268.919

(*) Chi phí thuê đất và tài sản khác tại Khu công nghiệp Lê Minh Xuân. Hiện tại Công ty đang trong quá trình chuyển nhượng tài sản và quyền sử dụng đất cho Công ty Cổ phần Kim khí 3P. (Xem thêm thông tin tại Thuyết minh 17 - Người mua trả tiền trước ngắn hạn).

(**) Bao gồm tiền thuê đất, thuê cơ sở hạ tầng để đầu tư dự án "Nhà máy sản xuất hàng cơ kim khí - Công ty Cổ phần Kim khí Thăng Long" tại KCN Minh Quang, Xã Bạch Sam, Huyện Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên. Thời gian thuê đến hết tháng 03/2058.

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THĂNG LONG

Phố Sài Đồng, phường Sài Đồng,
quận Long Biên, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

16 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên khác</i>				
- Công ty TNHH Honda Trading Việt Nam	17.014.970.886	17.014.970.886	13.945.631.984	13.945.631.984
- Công ty TNHH Việt Nam Nippon Steel Pipe	7.138.325.224	7.138.325.224	5.830.120.496	5.830.120.496
- Công ty TNHH Ánh Dương	25.416.662.359	25.416.662.359	23.317.818.997	23.317.818.997
- Phải trả nhà cung cấp khác	32.368.779.738	32.368.779.738	26.028.127.007	26.028.127.007
	<u>81.938.738.207</u>	<u>81.938.738.207</u>	<u>69.121.698.484</u>	<u>69.121.698.484</u>

17 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Công ty Cổ phần Kim khí 3P (*)	12.932.929.642	12.655.461.238
Woodstream Corp	1.138.404.300	-
Người mua trả tiền trước khác	28.433.420	6.199.621
	<u>14.099.767.362</u>	<u>12.661.660.859</u>

(*) Tiền ứng trước theo hợp đồng chuyển nhượng tài sản sau đấu giá số 166/2022/KKTL - 3P ngày 18/08/2022 để mua quyền sử dụng đất thuê và tài sản gắn liền trên đất tại địa chỉ Đường 5C, Khu công nghiệp Lê Minh Xuân, Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Đến thời điểm 30/06/2024, Công ty đang làm các thủ tục đăng ký tài sản trên đất để thực hiện chuyển nhượng.

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THĂNG LONG

Phố Sài Đồng, phường Sài Đồng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

18 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	549.698.552	449.381.267	47.838.138	47.838.200	549.698.614	449.381.267
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	188.103.887	-	-	-	188.103.887
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	1.362.008.955	-	-	-	1.362.008.955	-
Thuế Thu nhập cá nhân	14.395.679	146.456.141	401.933.207	506.643.880	14.597.479	41.947.268
Thuế Tài nguyên	-	16.866.102	45.655.022	51.332.013	-	11.189.111
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	27.581.772	5.280.944.222	3.030.266.430	-	2.278.259.564
Các loại thuế khác	-	-	6.000.000	6.000.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	10.357.663	1.960.643.850	63.308.241	63.308.241	10.357.663	1.960.643.850
	1.936.460.849	2.789.033.019	5.845.678.830	3.705.388.764	1.936.662.711	4.929.524.947

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

19 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	276.936.045	409.766.359
- Chi phí lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy (*)	21.699.447.273	21.853.624.380
- Trích trước chi phí thuê nhân công	2.627.780.025	1.638.961.400
- Chi phí phải trả khác	758.014.217	951.530.710
	25.362.177.560	24.853.882.849

(*) Trong đó, tổng giá trị theo hợp đồng số 01.06/2021/HĐTCXD ngày 01/06/2021 giữa Công ty Cổ phần Thiết bị Kỹ thuật và PCCC Hoàng Long và Công ty là 21 tỷ VND. Tại thời điểm 30/06/2024, hệ thống phòng cháy chữa cháy tại các nhà máy của Công ty đã hoàn thành lắp đặt và đưa vào sử dụng. Công ty đang phối hợp với các nhà thầu để hoàn thiện hồ sơ quyết toán và dự kiến việc quyết toán sẽ hoàn thành trong quý 3 năm 2024.



CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THĂNG LONG

Phố Sài Đồng, phường Sài Đồng,
quận Long Biên, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

20 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	<u>30/06/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	VND	VND
Doanh thu nhận trước về cho thuê tài sản	4.538.806.054	3.873.506.055
	<u>4.538.806.054</u>	<u>3.873.506.055</u>

21 . PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>30/06/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	4.083.590.259	4.369.367.019
- Bảo hiểm xã hội	323.080.253	331.471.202
- Bảo hiểm y tế	-	1.172.700
- Bảo hiểm thất nghiệp	-	521.200
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả (*)	5.989.138.745	2.640.708.649
- Phải trả lãi vay	624.199.452	914.100.410
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.040.429.523	1.324.642.511
	<u>13.060.438.232</u>	<u>9.581.983.691</u>
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược bảo lãnh thực hiện hợp đồng, dự án	915.000.000	915.000.000
	<u>915.000.000</u>	<u>915.000.000</u>
(*) Phải trả khác là các bên liên quan		
- Các cổ đông của Công ty	5.989.138.745	2.640.708.649
	<u>5.989.138.745</u>	<u>2.640.708.649</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THĂNG LONG

Phố Sài Đồng, phường Sài Đồng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

22 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2024		Trong kỳ		30/06/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	348.145.012.999	348.145.012.999	426.694.025.666	469.204.015.497	305.635.023.168	305.635.023.168
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thành Đô (1)	151.394.408.341	151.394.408.341	183.703.247.563	191.403.009.711	143.694.646.193	143.694.646.193
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hà Nội (2)	167.941.042.948	167.941.042.948	200.155.613.107	226.171.805.512	141.924.850.543	141.924.850.543
- Ngân hàng Liên doanh Việt-Nga - Chi nhánh Sở giao dịch (3)	8.968.823.800	8.968.823.800	16.077.083.565	21.703.647.182	3.342.260.183	3.342.260.183
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình (4)	19.840.737.910	19.840.737.910	26.758.081.431	29.925.553.092	16.673.266.249	16.673.266.249
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	5.821.250.497	5.821.250.497	14.852.238.040	3.558.658.040	17.114.830.497	17.114.830.497
- Ngân hàng Liên doanh Việt-Nga - Sở giao dịch (5)	1.173.212.080	1.173.212.080	586.606.040	586.606.040	1.173.212.080	1.173.212.080
- Ngân hàng khác (6)	10.000.000	10.000.000	-	-	10.000.000	10.000.000
- Công ty TNHH Cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (7)	4.138.038.417	4.138.038.417	1.665.632.000	2.472.052.000	3.331.618.417	3.331.618.417
- Vay cá nhân dài hạn (8)	500.000.000	500.000.000	12.600.000.000	500.000.000	12.600.000.000	12.600.000.000
	353.966.263.496	353.966.263.496	441.546.263.706	472.762.673.537	322.749.853.665	322.749.853.665

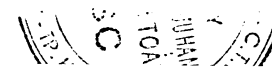
CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THĂNG LONG

Phố Sài Đồng, phường Sài Đồng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

	01/01/2024		Trong kỳ		30/06/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
b) Vay dài hạn						
- Ngân hàng Liên doanh Việt-Nga - Sở giao dịch (5)	3.519.636.247	3.519.636.247	-	586.606.040	2.933.030.207	2.933.030.207
- Ngân hàng khác (6)	10.000.000	10.000.000	-	-	10.000.000	10.000.000
- Công ty TNHH Cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (7)	9.727.798.897	9.727.798.897	2.670.360.000	2.472.052.000	9.926.106.897	9.926.106.897
- Vay cá nhân dài hạn (8)	45.300.000.000	45.300.000.000	14.100.000.000	25.600.000.000	33.800.000.000	33.800.000.000
	58.557.435.144	58.557.435.144	16.770.360.000	28.658.658.040	46.669.137.104	46.669.137.104
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(5.821.250.497)	(5.821.250.497)	(14.852.238.040)	(3.558.658.040)	(17.114.830.497)	(17.114.830.497)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	52.736.184.647	52.736.184.647			29.554.306.607	29.554.306.607



CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THĂNG LONG

Phố Sài Đồng, phường Sài Đồng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

STT	Số hợp đồng	Ngày hợp đồng	Hạn mức vay (VND)	Lãi suất	Thời hạn vay	Số dư nợ gốc vay tại ngày 30/06/2024 (VND)	Mục đích vay	Phương thức bảo đảm
(1)	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thành Đô							
	Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2024/40327/HĐTĐ	19-01-24	160.000.000.000	Quy định theo từng Giấy nhận nợ.	Đến hết ngày 30/11/2024	143.694.646.193	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh thanh toán, mở L/C phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;	Các khoản vay từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp/cầm cố/bảo lãnh với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.
(2)	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hà Nội							
	Hợp đồng cho vay hạn mức số 500/2024-HĐCVHM/NHCT 129-KIM KHI THANG LONG	18-06-24	160.000.000.000	Quy định theo từng Giấy nhận nợ.	Đến hết ngày 17/06/2025	141.924.780.543	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh thanh toán, mở L/C phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;	Các khoản vay từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp/cầm cố/bảo lãnh với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.
(3)	Ngân hàng Liên doanh Việt-Nga - Chi nhánh Sở giao dịch							
	Hợp đồng tín dụng hạn mức số HM01/2023/79227/HĐTĐ	05-07-23	23.500.000.000	Xác định cụ thể theo từng Giấy nhận nợ.	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng	3.342.260.183	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;	Các khoản vay từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp/cầm cố/bảo lãnh với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.
(4)	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình							
	Hợp đồng cấp tín dụng số 01/2024/CV/VCB BĐ-KKTL	24-04-24	20.000.000.000	Xác định cụ thể theo từng Giấy nhận nợ;	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng	16.673.266.249	Tài trợ nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp hợp lý phục vụ hoạt động sản xuất kinh	Các khoản vay từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp/cầm cố/bảo lãnh với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THĂNG LONG

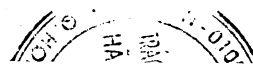
Phố Sài Đồng, phường Sài Đồng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn và nợ thuê tài chính:

STT	Số hợp đồng	Ngày hợp đồng	Đối tượng chi tiết	Lãi suất (năm)	Thời hạn vay	Số dư nợ gốc vay tại ngày 30/06/2024 (VND)	Số nợ gốc phải trả đến ngày 30/06/2025 (VND)	Mục đích vay	Phương thức đảm bảo
(5)	Ngân hàng Liên doanh Việt Nga - Sở giao dịch					2.933.030.207	1.173.212.080		
	TDH.01/2021/079 227/HĐTD	01/11/2021	Ngân hàng Liên doanh Việt Nga - Sở giao dịch	10,5%	60 tháng kể từ ngày giải ngân	2.933.030.207	1.173.212.080	Đầu tư hệ thống thiết bị nâng cao năng lực sản xuất, cải tiến chất lượng sản phẩm	Bảo đảm bằng tài sản hình thành từ nguồn vay với giá trị là 68.805 USD.
(6)	Ngân hàng khác					10.000.000	10.000.000		
(7)	Công ty Cho Thuê Tài Chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam					9.926.106.897	3.331.618.417		
	02.012/2020/TSC -CTTC	06/03/2020	Công ty Cho Thuê Tài Chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	10,0%	60 tháng	155.320.000	155.320.000	Thuê tài chính máy móc thiết bị	Không có bảo đảm bằng tài sản.
	02.039/2020/TSC -CTTC	13/05/2020		10,0%	48 tháng	10.640.000	10.640.000	Thuê tài chính máy móc thiết bị	Không có bảo đảm bằng tài sản.
	02.038/2020/TSC -CTTC	13/05/2020		10,0%	48 tháng	16.225.000	16.225.000	Thuê tài chính máy móc thiết bị	Không có bảo đảm bằng tài sản.
	02.040/2020/TSC -CTTC	13/05/2020		10,0%	48 tháng	14.935.825	14.935.825	Thuê tài chính máy móc thiết bị	Không có bảo đảm bằng tài sản.
	02.046/2020/TSC -CTTC	21/05/2020		10,0%	48 tháng	26.008.734	26.008.734	Thuê tài chính máy móc thiết bị	Không có bảo đảm bằng tài sản.
	02.118/2020/TSC -CTTC	06/10/2020		10,0%	48 tháng	91.044.850	91.044.850	Thuê tài chính máy móc thiết bị	Không có bảo đảm bằng tài sản.
	02.76/2020/TSC- CTTC	13/07/2020		10,0%	48 tháng	112.640.000	112.640.000	Thuê tài chính máy móc thiết bị	Không có bảo đảm bằng tài sản.
	02.047/2020/TSC -CTTC	21/05/2020		10,0%	48 tháng	43.471.608	43.471.608	Thuê tài chính máy móc thiết bị	Không có bảo đảm bằng tài sản.
	02.143/2020/TSC -CTTC	30/11/2020		10,0%	48 tháng	44.932.400	44.932.400	Thuê tài chính máy móc thiết bị	Không có bảo đảm bằng tài sản.



CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THĂNG LONG

Phố Sài Đồng, phường Sài Đồng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn và nợ thuê tài chính:

STT	Số hợp đồng	Ngày hợp đồng	Đối tượng chi tiết	Lãi suất (năm)	Thời hạn vay	Số dư nợ gốc vay tại ngày 30/06/2024 (VND)	Số nợ gốc phải trả đến ngày 30/06/2025 (VND)	Mục đích vay	Phương thức đảm bảo
	02.031/2021/TSC-CTTC	12/07/2021	Công ty Cho Thuê Tài Chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	10,0%	60 tháng	919.511.200	459.768.000	Thuê tài chính máy móc thiết bị	Không có bảo đảm bằng tài sản.
	02.032/2021/TSC-CTTC	02/04/2021		10,0%	60 tháng	1.097.824.000	598.800.000	Thuê tài chính máy móc thiết bị	Không có bảo đảm bằng tài sản.
	02.089/2021/TSC-CTTC	05/11/2021		10,0%	48 tháng	331.564.000	234.060.000	Thuê tài chính máy móc thiết bị	Không có bảo đảm bằng tài sản.
	02.033/2022/TSC-CTTC	21/07/2022		10,0%	36 tháng	175.812.000	162.288.000	Thuê tài chính máy móc thiết bị	Không có bảo đảm bằng tài sản.
	02.042/2022/TSC-CTTC	07/11/2022		10,0%	48 tháng	553.157.280	237.060.000	Thuê tài chính máy móc thiết bị	Không có bảo đảm bằng tài sản.
	02.036/2023/TSC-CTTC	18/04/2023		10,0%	36 tháng	3.115.948.000	812.856.000	Thuê tài chính máy móc thiết bị	Không có bảo đảm bằng tài sản.
	02.142/2023/TSC-CTTC	25/10/2023		10,0%	60 tháng	1.402.072.000	311.568.000	Thuê tài chính máy móc thiết bị	Không có bảo đảm bằng tài sản.
	02.014/2024/TSC-CTTC	30/01/2024		10,0%	60 tháng	1.815.000.000	-	Thuê tài chính máy móc thiết bị	Không có bảo đảm bằng tài sản.
(8)	Vay cá nhân					33.800.000.000	12.600.000.000		
	03/HĐVV/KKTL-NTTO	25/02/2020	Nguyễn Tú Oanh	8,0%	06/10/2025	3.000.000.000	-	Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Không có bảo đảm bằng tài sản.
	04/HĐVV/KKTL-NTTO	28/02/2020	Nguyễn Tú Oanh	8,0%	15/12/2025	3.000.000.000	-	Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Không có bảo đảm bằng tài sản.
	05/HĐVV/KKTL-NTTO	06/03/2020	Nguyễn Tú Oanh	8,0%	06/10/2025	2.000.000.000	-	Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Không có bảo đảm bằng tài sản.
	06/HĐVV/KKTL-NTTO	15/05/2020	Nguyễn Tú Oanh	8,0%	15/12/2025	2.500.000.000	-	Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Không có bảo đảm bằng tài sản.
	01-2024/HĐVV/KK	23/05/2024	Hồ Thị Thủy	8,0%	23/11/2025	1.000.000.000	-	Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Không có bảo đảm bằng tài sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THĂNG LONG

Phố Sài Đồng, phường Sài Đồng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn và nợ thuê tài chính:

STT	Số hợp đồng	Ngày hợp đồng	Đối tượng chi tiết	Lãi suất (năm)	Thời hạn vay	Số dư nợ gốc vay tại ngày 30/06/2024 (VND)	Số nợ gốc phải trả đến ngày 30/06/2025 (VND)	Mục đích vay	Phương thức đảm bảo
	01/HĐVV/KKTL-HTM-PL1	01-10-2020	Hoàng Thị Miện	8,0%	30-04-2025	500.000.000	500.000.000	Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Không có bảo đảm bằng tài sản.
	02/HĐVV/KKTL-HTM-PL01	30-11-2020	Hoàng Thị Miện	8,0%	30-04-2025	600.000.000	600.000.000	Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Không có bảo đảm bằng tài sản.
	05/HĐVV/KKTL-HTM	26-04-2022	Hoàng Thị Miện	8,0%	25-05-2025	250.000.000	250.000.000	Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Không có bảo đảm bằng tài sản.
	01/HĐVV/KKTL-NTD-PL01	09-10-2020	Nguyễn Thị Dung	8,0%	08-04-2025	450.000.000	450.000.000	Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Không có bảo đảm bằng tài sản.
	02/HĐVV/KKTL-NTD-PL01	16-10-2020	Nguyễn Thị Dung	8,0%	15-04-2025	1.650.000.000	1.650.000.000	Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Không có bảo đảm bằng tài sản.
	04/HĐVV/KKTL-NTD	15-12-2021	Nguyễn Thị Dung	8,0%	18-12-2025	1.200.000.000	-	Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Không có bảo đảm bằng tài sản.
	07/HĐVV/KKTL-NTD	30-06-2022	Nguyễn Thị Dung	8,0%	15-01-2025	400.000.000	400.000.000	Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Không có bảo đảm bằng tài sản.
	08/HĐVV/KKTL-NTD	26-07-2022	Nguyễn Thị Dung	8,0%	25-02-2025	1.800.000.000	1.800.000.000	Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Không có bảo đảm bằng tài sản.
	09/HĐVV/KKTL-NTD	18-09-2023	Nguyễn Thị Dung	8,0%	18-03-2025	1.150.000.000	1.150.000.000	Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Không có bảo đảm bằng tài sản.
	01/HĐVV/KKTL-NMP	05-08-2021	Nguyễn Minh Phương	8,0%	05-02-2025	400.000.000	400.000.000	Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Không có bảo đảm bằng tài sản.
	02/HĐVV/KKTL-NMP	12-04-2022	Nguyễn Minh Phương	8,0%	11-10-2025	300.000.000	300.000.000	Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Không có bảo đảm bằng tài sản.
	01/HĐVV/KKTL-TXM	03-08-2021	Trần Xuân Mạnh	8,0%	03-02-2025	600.000.000	600.000.000	Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Không có bảo đảm bằng tài sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THĂNG LONG

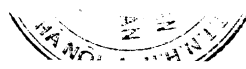
Phố Sài Đồng, phường Sài Đồng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn và nợ thuê tài chính:

STT	Số hợp đồng	Ngày hợp đồng	Đối tượng chi tiết	Lãi suất (năm)	Thời hạn vay	Số dư nợ gốc vay tại ngày 30/06/2024 (VND)	Số nợ gốc phải trả đến ngày 30/06/2025 (VND)	Mục đích vay	Phương thức đảm bảo
	03/HĐVV/KKTL ĐDH	12-10-2023	Đỗ Đức Hoàng	8,0%	12-04-2025	1.400.000.000	1.400.000.000	Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Không có bảo đảm bằng tài sản.
	04/HĐVV/KKTL ĐDH	28-10-2023	Đỗ Đức Hoàng	8,0%	28-12-2025	2.100.000.000	2.100.000.000	Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Không có bảo đảm bằng tài sản.
	01/HĐVV/KKTL -TTH	10-10-2023	Trần Thị Hương	8,0%	10-11-2024	300.000.000	300.000.000	Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Không có bảo đảm bằng tài sản.
	02/HĐVV/KKTL -TTH	10-11-2023	Trần Thị Hương	8,0%	10-12-2024	200.000.000	200.000.000	Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Không có bảo đảm bằng tài sản.
	03/HĐVV/KKTL -TTH	05-12-2023	Trần Thị Hương	8,0%	05-01-2025	500.000.000	500.000.000	Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Không có bảo đảm bằng tài sản.
	01/HĐVV/KKTL -VNB	16-11-2023	Vũ Ngọc Bích	8,0%	16-11-2025	800.000.000	-	Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Không có bảo đảm bằng tài sản.
	01-2024/HĐVV/KK	23-05-2024	Vũ Ngọc Bích	8,0%	23-11-2025	500.000.000	-	Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Không có bảo đảm bằng tài sản.
	02/HĐVV/KKTL -HPH	15-04-2021	Hà Phan Hưng	8,0%	15-10-2025	1.700.000.000	-	Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Không có bảo đảm bằng tài sản.
	05/HĐVV/KKTL -HPH	16-10-2023	Hà Phan Hưng	8,0%	16-12-2025	3.000.000.000	-	Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Không có bảo đảm bằng tài sản.
	06/HĐVV/KKTL -HPH	02-11-2023	Hà Phan Hưng	8,0%	05-12-2025	2.500.000.000	-	Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Không có bảo đảm bằng tài sản.
			Tổng cộng			46.669.137.104	17.114.830.497		



CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THĂNG LONG

Phố Sài Đồng, phường Sài Đồng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

23 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ trước	192.000.000.000	217.386.850	150.703.074.068	2.823.666.236	29.939.390.655	375.683.517.809
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	-	30.942.510.555	30.942.510.555
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	8.981.758.562	(29.939.390.655)	(20.957.632.093)
Giảm khác	-	-	8.824.158.549	(8.824.158.549)	-	-
Số dư cuối kỳ trước	192.000.000.000	217.386.850	159.527.232.617	2.981.266.249	30.942.510.555	385.668.396.271
Số dư đầu kỳ này	192.000.000.000	217.386.850	159.527.232.617	2.981.266.249	30.558.109.867	385.283.995.583
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	36.462.918.424	36.462.918.424
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	9.167.432.960	(30.558.109.867)	(21.390.676.907)
Tăng vốn trong kỳ từ quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	8.155.279.725	(8.155.279.725)	-	-
Số dư cuối kỳ này	192.000.000.000	217.386.850	167.682.512.342	3.993.419.484	36.462.918.424	400.356.237.100

(*) Theo Quyết định số 18/2024/QĐ-TC-HĐQT ngày 30 tháng 06 năm 2024 của Hội đồng quản trị Công ty về việc phê duyệt dùng quỹ đầu tư phát triển để tăng vốn khác của chủ sở hữu với mục đích đầu tư tài sản cố định phục vụ sản xuất kinh doanh, Công ty thực hiện kết chuyển nguồn tương ứng với việc mua sắm tài sản cố định từ nguồn quỹ đầu tư phát triển.

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 01 ngày 15 tháng 06 năm 2024, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2023 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100%	30.558.109.867
Trích Quỹ đầu tư phát triển	30,00%	9.167.432.960
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	35,44%	10.830.676.907
Chi trả cổ tức (bằng 5,5% vốn điều lệ)	34,56%	10.560.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THĂNG LONG

Phố Sài Đồng, phường Sài Đồng,
quận Long Biên, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND
Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội	66,04	126.805.000.000	66,04	126.805.000.000
Công ty Cổ phần Chứng Khoán Sài Gòn Hà Nội	14,42	27.684.380.000	14,42	27.684.380.000
Các cổ đông khác	19,54	37.510.620.000	19,54	37.510.620.000
	100	192.000.000.000	100	192.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	06 tháng đầu năm 2024 VND	06 tháng đầu năm 2023 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	<i>192.000.000.000</i>	<i>192.000.000.000</i>
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	<i>192.000.000.000</i>	<i>192.000.000.000</i>
Cổ tức, lợi nhuận:		
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu kỳ</i>	<i>2.640.708.649</i>	<i>7.047.004.599</i>
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong kỳ</i>	<i>10.560.000.000</i>	<i>10.560.000.000</i>
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước</i>	<i>10.560.000.000</i>	<i>10.560.000.000</i>
- <i>Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền</i>	<i>(7.211.569.904)</i>	<i>(4.667.914.100)</i>
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước</i>	<i>(7.211.569.904)</i>	<i>(4.667.914.100)</i>
- <i>Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối kỳ</i>	<i>5.989.138.745</i>	<i>12.939.090.499</i>

d) Cổ phiếu

	30/06/2024	01/01/2024
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	19.200.000	19.200.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	19.200.000	19.200.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>19.200.000</i>	<i>19.200.000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	19.200.000	19.200.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>19.200.000</i>	<i>19.200.000</i>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
Quỹ đầu tư phát triển	3.993.419.484	2.981.266.249
	3.993.419.484	2.981.266.249

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THĂNG LONG

Phố Sài Đồng, phường Sài Đồng,
quận Long Biên, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

24 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**a) Tài sản cho thuê ngoài**

Công ty hiện đang cho thuê tài sản là bất động sản đầu tư tại số 01 Lương Yên, Phường Bạch Đằng, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội theo các hợp đồng thuê hoạt động thu tiền hàng kỳ. Tại ngày 30/06/2024, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<u>30/06/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	VND	VND
- Từ 1 năm trở xuống	9.179.258.828	8.826.210.411
- Trên 1 năm đến 5 năm	45.896.294.138	33.934.273.972
- Trên 5 năm	53.801.849.884	62.981.108.712
	<u>108.877.402.849</u>	<u>105.741.593.095</u>

b) Cam kết thuê hoạt động

Tại ngày 30/06/2024, Công ty đang ký hợp đồng thuê và sử dụng 10 lô đất. Theo các hợp đồng thuê đất này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước. Thông tin chi tiết về các lô đất được trình bày tại trang số 50 - "Phụ lục - Thông tin chi tiết về các cam kết thuê hoạt động".

b) Ngoại tệ các loại

	<u>30/06/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
- Đồng đô la Mỹ (USD)	7.326,43	7.804,71
- Đồng Euro (EUR)	28.899,36	3.404,09

25 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>06 tháng đầu năm 2024</u>	<u>06 tháng đầu năm 2023</u>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	430.021.814.462	406.185.462.754
Doanh thu cung cấp dịch vụ	27.791.767.385	26.242.175.809
	<u>457.813.581.847</u>	<u>432.427.638.563</u>

Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 39)

	<u>134.364.993.298</u>	<u>147.356.458.417</u>
--	-------------------------------	-------------------------------

26 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	<u>06 tháng đầu năm 2024</u>	<u>06 tháng đầu năm 2023</u>
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	155.000.000	798.054.130
	<u>155.000.000</u>	<u>798.054.130</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THĂNG LONG

Phố Sài Đồng, phường Sài Đồng,
quận Long Biên, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

27 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	400.085.939.471	373.821.066.457
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	15.981.952.058	20.795.374.933
	<u>416.067.891.529</u>	<u>394.616.441.390</u>
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan		
Tổng giá trị mua vào: (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 39)	<u>2.687.061.750</u>	<u>2.038.943.912</u>

28 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	19.043.306	263.758.572
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	118.674.571	212.379.527
Cổ tức, lợi nhuận được chia	47.541.714.498	49.964.476.138
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	1.281.170.973	39.908.247
	<u>48.960.603.348</u>	<u>50.480.522.484</u>
Trong đó: Doanh thu hoạt động tài chính nhận từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 39)	<u>47.541.714.498</u>	<u>49.964.476.138</u>

29 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền vay	13.227.083.681	18.720.486.860
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	27.229.610	29.612.197
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	206.247.553	72.114.561
	<u>13.460.560.844</u>	<u>18.822.213.618</u>

30 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	13.937.296	11.257.598
Chi phí nhân công	724.993.270	708.242.469
Chi phí dịch vụ mua ngoài	70.127.963	37.366.424
Chi phí khác bằng tiền	209.152.831	162.828.639
	<u>1.018.211.360</u>	<u>919.695.130</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THĂNG LONGPhố Sài Đồng, phường Sài Đồng,
quận Long Biên, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

31 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.321.071.278	1.266.266.064
Chi phí nhân công	25.190.987.992	22.414.651.707
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.115.994.106	1.487.134.737
Thuế, phí, lệ phí	4.289.773.388	3.720.382.498
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.943.999.396	2.115.979.184
Chi phí khác bằng tiền	5.714.087.852	5.073.054.751
	39.575.914.012	36.077.468.941

32 . THU NHẬP KHÁC

	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	246.712.122	62.167.747
Tiền phạt thu được	-	173.374.024
Thu nhập từ bán phế liệu	-	219.000.000
Thu nhập khác	2.540.643	47.353.710
	249.252.765	501.895.481

33 . CHI PHÍ KHÁC

	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Các khoản bị phạt hợp đồng, phạt thuế	78.270.449	1.079.084.243
Khấu hao tài sản cố định	33.856.500	33.856.500
Thù lao Ban kiểm soát	54.000.000	72.000.000
Chi phí khác	116.814.842	48.732.021
	282.941.791	1.233.672.764

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THĂNG LONG

Phố Sài Đồng, phường Sài Đồng,
quận Long Biên, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

34 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	36.462.918.424	30.942.510.555
Các khoản điều chỉnh tăng	282.941.791	1.184.940.743
- Chi phí không hợp lệ	282.941.791	1.184.940.743
Các khoản điều chỉnh giảm	(47.541.714.498)	(49.964.476.138)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(47.541.714.498)	(49.964.476.138)
Thu nhập chịu thuế TNDN	(10.795.854.283)	(17.837.024.840)
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	(485.266.120)	(485.266.120)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	-	-
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ hoạt động kinh doanh chính	(485.266.120)	(485.266.120)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	(876.742.835)	(876.742.835)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ của HĐKD bất động sản	(876.742.835)	(876.742.835)
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-
Tổng thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	(1.362.008.955)	(1.362.008.955)

35 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	36.462.918.424	30.942.510.555
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	36.462.918.424	30.942.510.555
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	19.200.000	19.200.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.899	1.612

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THĂNG LONG

Phố Sài Đồng, phường Sài Đồng,
quận Long Biên, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

36 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	297.103.109.356	277.252.920.026
Chi phí nhân công	93.771.998.909	82.971.756.143
Chi phí khấu hao tài sản cố định	18.621.589.874	18.176.568.070
Chi phí dịch vụ mua ngoài	31.941.113.179	28.877.857.832
Chi phí khác bằng tiền	5.933.780.683	5.908.540.424
	<u>447.371.592.001</u>	<u>413.187.642.495</u>

37 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro tài chính**

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động giá thị trường, tỷ giá hối đoái, lãi suất

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 kỳ	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2024				
Đầu tư ngắn hạn	462.500.000	-	-	462.500.000
	<u>462.500.000</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>462.500.000</u>
Tại ngày 01/01/2024				
Đầu tư ngắn hạn	462.500.000	-	-	462.500.000
	<u>462.500.000</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>462.500.000</u>

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THĂNG LONG

Phố Sài Đồng, phường Sài Đồng,
quận Long Biên, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2024				
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.571.746.692	-	-	5.571.746.692
Phải thu khách hàng, phải thu khác	131.852.780.257	724.850.000	-	132.577.630.257
Các khoản cho vay	2.660.529.090	-	-	2.660.529.090
	<u>140.085.056.039</u>	<u>724.850.000</u>	<u>-</u>	<u>140.809.906.039</u>
Tại ngày 01/01/2024				
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.725.144.673	-	-	9.725.144.673
Phải thu khách hàng, phải thu khác	126.633.504.825	710.850.000	-	127.344.354.825
Các khoản cho vay	3.263.025.090	-	-	3.263.025.090
	<u>139.621.674.588</u>	<u>710.850.000</u>	<u>-</u>	<u>140.332.524.588</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THĂNG LONG

Phố Sài Đồng, phường Sài Đồng,
quận Long Biên, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2024				
Vay và nợ	322.749.853.665	29.554.306.607	-	352.304.160.272
Phải trả người bán, phải trả khác	94.999.176.439	915.000.000	-	95.914.176.439
Chi phí phải trả	25.362.177.560	-	-	25.362.177.560
	<u>443.111.207.664</u>	<u>30.469.306.607</u>	<u>-</u>	<u>473.580.514.271</u>
Tại ngày 01/01/2024				
Vay và nợ	353.966.263.496	52.736.184.647	-	406.702.448.143
Phải trả người bán, phải trả khác	78.703.682.175	915.000.000	-	79.618.682.175
Chi phí phải trả	24.853.882.849	-	-	24.853.882.849
	<u>457.523.828.520</u>	<u>53.651.184.647</u>	<u>-</u>	<u>511.175.013.167</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

38 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

39 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan có giao dịch hoặc số dư với Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ủy Ban Nhân dân thành phố Hà Nội	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Chứng Khoán Sài Gòn Hà Nội	Cổ đông lớn
Công ty TNHH Phụ tùng Xe máy Ô tô Goshi - Thăng Long	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	Bên liên quan của thành viên HĐQT Nguyễn Quý Thịnh
Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	Điều hành Công ty
Các cá nhân là người có liên quan của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc (Chi tiết được trình bày tại Báo cáo quản tình hình quản trị Công ty hàng kỳ)	Người có liên quan tới Ban điều hành Công ty

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THĂNG LONG

Phố Sài Đồng, phường Sài Đồng,
quận Long Biên, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong kỳ với các bên liên quan như sau:

	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	134.364.993.298	147.356.458.417
Công ty TNHH Phụ tùng Xe máy Ô tô Goshi - Thăng Long	134.364.993.298	147.356.458.417
Mua hàng	2.687.061.750	2.038.943.912
Công ty TNHH Phụ tùng Xe máy Ô tô Goshi - Thăng Long	2.687.061.750	2.038.943.912
Cổ tức, lợi nhuận được chia	47.541.714.498	49.964.476.138
Công ty TNHH Phụ tùng Xe máy Ô tô Goshi - Thăng Long	47.541.714.498	49.964.476.138
Trả cổ tức	6.974.275.000	6.974.275.000
Ủy Ban Nhân dân thành phố Hà Nội	6.974.275.000	6.974.275.000

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Chức danh	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
		VND	VND
Thu nhập của người quản lý chủ chốt			
Ông Phạm Hữu Hùng	Chủ tịch HĐQT	339.471.353	326.047.797
Ông Phạm Hồng Thanh	Tổng Giám đốc/Thành viên HĐQT	315.051.630	302.668.523
Ông Hồ Quốc Bình	Phó Tổng Giám đốc/Thành viên HĐQT	292.287.155	281.325.981
Bà Vũ Thị Hồng Vân	Thành viên HĐQT	286.210.230	275.196.904
Ông Lê Chí Liêm	Thành viên HĐQT	-	18.000.000
Ông Trần Đình Dũng	Thành viên HĐQT	18.000.000	18.000.000
Ông Nguyễn Quý Thịnh	Thành viên HĐQT	18.000.000	18.000.000
Ông Hoàng Tuấn Anh	Thành viên HĐQT	18.000.000	-
Bà Chu Thị Thanh Mai	Trưởng ban BKS	236.890.230	229.490.019
Bà Nguyễn Quỳnh Châu	Thành viên BKS	9.000.000	9.000.000
Ông Lê Anh Tuấn	Thành viên BKS	9.000.000	9.000.000

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với Công ty.

01
C
H
G
A
/

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THĂNG LONG

Phố Sài Đồng, phường Sài Đồng,
quận Long Biên, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

40 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023.



Trần Thị Thanh Hương
Người lập

Vũ Thị Hồng Vân
Kế toán trưởng



Phạm Hồng Thanh
Tổng Giám đốc

Phạm Hữu Hùng
Chủ tịch HĐQT

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THĂNG LONGPhố Sài Đồng, phường Sài Đồng,
quận Long Biên, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

PHỤ LỤC: THÔNG TIN CHI TIẾT VỀ CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

STT	Vị trí	Diện tích	Thời hạn	Mục đích sử dụng
1	Lô đất số 195 phố Khâm Thiên, Đống Đa, Hà Nội	107,2 m ²	Từ năm 2008 đến năm 2058	Xây dựng cửa hàng kinh doanh và giới thiệu sản phẩm
2	Lô đất số 2 Giảng Võ, Cát Linh, quận Đống Đa, Hà Nội	180,4 m ²	Từ năm 2005 đến năm 2035	Xây dựng cửa hàng kinh doanh và giới thiệu sản phẩm
3	Lô đất số 41 Giảng Võ, Cát Linh, quận Đống Đa, Hà Nội	314 m ²	Từ năm 2005 đến năm 2035	Xây dựng cửa hàng kinh doanh và giới thiệu sản phẩm
4	Lô đất số 1 Lương Yên, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	1.404,8 m ²	Từ năm 2004 đến năm 2034	Xây dựng tòa nhà chung cư và văn phòng
5	Lô đất Phường Sài Đồng, quận Long Biên, Hà Nội	22.314,4 m ²	Từ năm 2016 đến năm 2066	Đặt trụ sở làm việc và nhà xưởng sản xuất
6	Lô đất Phường Phúc Lợi, Quận Long Biên, Hà Nội	22.692 m ²	Từ năm 2016 đến năm 2066	Đặt trụ sở làm việc và nhà xưởng sản xuất
7	Lô đất Phường Phúc Lợi, Quận Long Biên, Hà Nội	11.625 m ²	Từ năm 2016 đến năm 2066	Đặt trụ sở làm việc và nhà xưởng sản xuất
8	Lô đất Phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội	16.358 m ²	Từ năm 2000 đến năm 2050	Đặt trụ sở làm việc và nhà xưởng sản xuất
9	Lô đất Khu công nghiệp Lê Minh Xuân-Đường Tân Kiên Bình, ấp 1 Xã Tân Nhựt, Bình Chánh	14.058 m ²	Từ năm 2002 đến năm 2047	Đặt trụ sở làm việc và nhà xưởng sản xuất
10	Phường Phúc Lợi, Quận Long Biên, Hà Nội	1.733 m ²	Từ năm 2006 đến năm 2056	Làm sân bãi, trồng cây xanh

